TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 114/2023/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 09 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 106/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

+ Ông **Phạm Quang M**, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 49 Nguyễn T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm 1993; địa chỉ: Xã C, huyện P, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Quang M và bà Nguyễn Thị Mỹ D đi đến hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải, ông Phạm Quang M và bà Nguyễn Thị Mỹ D xác định: Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã nhau.

Xét thấy tình cảm của cả hai đã không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy ông, bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu đề nghị công nhận thuận tình ly hôn của ông Phạm Quang M và bà Nguyễn Thị Mỹ D thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông Phạm Quang M và bà Nguyễn Thị Mỹ D lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải, ông Phạm Quang M và bà Nguyễn Thị Mỹ D đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn của ông Phạm Quang M và bà Nguyễn Thị Mỹ D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Phạm Quang M và bà Nguyễn Thị Mỹ D là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông M và bà D xác định vợ chồng có 03 con chung: Phạm Quang Minh Đ, sinh ngày 09/6/2015; Phạm Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/7/2018 và Phạm Nguyễn Minh C, sinh ngày 18/01/2023. Thuận tình ly hôn, ông M và bà D thỏa thuận:

- Giao con chung Phạm Nguyễn Minh C, sinh ngày 18/01/2023 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 6/2023 vào ngày 15 hàng tháng.

- Giao 02 con chung Phạm Quang Minh Đ, sinh ngày 09/6/2015 và Phạm Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/7/2018 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà D không cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Quang Minh Đ và Phạm Quang Minh A.

Ông M và bà D tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GĐ chấp nhận thỏa thuận nuôi con của ông bà.

[5] Về tài sản chung: Ông M và bà D xác định không có nên Toà án không xem xét.

[6] Các vấn đề khác: Ông M và bà D xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[7] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà ông M và bà D tự nguyện chịu.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Quang M và bà Nguyễn Thị Mỹ D *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Quang M và bà Nguyễn Thị Mỹ D nên Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2014; quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường A, quận S cấp ngày 14/5/2014 không còn giá trị pháp lý).*

1.2 Về con chung: Ông M và bà D thống nhất thỏa thuận:

1.2.1 Giao con chung Phạm Nguyễn Minh C, sinh ngày 18/01/2023 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 6/2023 vào ngày 15 hàng tháng.

1.2.2 Giao 02 con chung Phạm Quang Minh Đ, sinh ngày 09/6/2015 và Phạm Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/7/2018 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà D không cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Quang Minh Đ và Phạm Quang Minh A.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.3 Về tài sản chung: Ông M và bà D xác định không có nên Toà án không xem xét.

1.4 Các vấn đề khác: Ông M và bà D xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Ông M và bà D tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003764 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Ông M và bà D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường A;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đông Thanh